

Số: /QĐ-SYT

Bình Phước, ngày tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đối với Phòng khám Đa khoa Lê Nguyễn

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Bình Phước;

Căn cứ vào kết quả thẩm định của Đoàn thẩm định để cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh đối với Phòng khám Đa khoa Lê Nguyễn;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động do bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám Đa khoa Lê Nguyễn (Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 94/BP-GPHĐ do Sở Y tế Bình Phước cấp ngày 08/01/2018): bổ sung 24 kỹ thuật (chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm).

Điều 2. Phòng khám Đa khoa Lê Nguyễn phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đã được Sở Y tế cho phép và quy trình kỹ thuật chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 3. Các Ông, bà Trưởng Phòng Nghiệp vụ; Chánh Văn phòng Sở Y tế; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Phòng khám Đa khoa Lê Nguyễn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- UBND huyện Lộc Ninh;
- TTYT huyện Lộc Ninh;
- Giám đốc Sở Y tế;
- Các Phó Giám đốc Sở Y tế;
- Website Sở Y tế;
- Lưu VT, NV (T14.6).

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC 1

PHÊ DUYỆT BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT

Trong khám bệnh, chữa bệnh của Phòng khám Đa khoa Lê Nguyễn
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- SYT ngày tháng 6 năm 2025
của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước)

STT	STT (Cột 1)	Mã kỹ thuật (Cột 2)	Tên chương (Cột 3)	Tên kỹ thuật (Cột 4)
1	706	2.304	02. NỘI KHOA	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng có sinh thiết
2	707	2.305	02.NỘI KHOA	Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng không sinh thiết
3	17224	23.18	23. HÓA SINH	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]
4	17230	23.24	23. HÓA SINH	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu]
5	17245	23.39	23. HÓA SINH	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]
6	17345	23.139	23. HÓA SINH	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]
7	17348	23.142	23. HÓA SINH	Định lượng RF (Rheumatoid Factor) [Máu]
8	17354	23.148	23. HÓA SINH	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]
9	17355	23.149	23. HÓA SINH	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu]
10	17367	23.161	23. HÓA SINH	Định lượng Troponin I [Máu]
11	17368	23.162	23. HÓA SINH	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]
12	17440	23.234	23. HÓA SINH	Đường máu mao mạch
13	8466	24.1	28. VI SINH	Vi khuẩn nhuộm soi
14	8476	24.49	28. VI SINH	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi
15	8479	24.98	28. VI SINH	Treponema pallidum test nhanh
16	8763	24.130	28. VI SINH	HBeAg test nhanh
17	8764	24.133	28. VI SINH	HBeAb test nhanh
18	8819	24.184	28. VI SINH	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh

STT	STT (Cột 1)	Mã kỹ thuật (Cột 2)	Tên chương (Cột 3)	Tên kỹ thuật (Cột 4)
19	8855	24.225	28. VI SINH	EV71 IgM/IgG test nhanh
20	8873	24.243	28. VI SINH	Influenza virus A, B test nhanh
21	8886	24.249	28. VI SINH	Rotavirus test nhanh
22	8619	24.263	28. VI SINH	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi
23	8906	24.264	28. VI SINH	Hồng cầu trong phân test nhanh
24	8627	24.319	28. VI SINH	Vi nấm soi tươi